TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 211/2023/DS-PT
Ngày 01-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thảo Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kim Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 201/2023/QĐ-PT ngày 15/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Kim N, sinh năm 1961; địa chỉ: số 53/8, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Ngọc N, sinh năm 1966; địa chỉ: số 300/17/12, tổ 77, khu phố 11, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Lê Ngọc N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Kim N trình bày: trong năm 2021 và năm 2022 bà Trần Kim N cho bà Lê Ngọc N vay tổng số tiền 150.000.000 đồng, cụ thể:

+ Ngày 07/11/2021, vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày 07/11/2021, lãi suất 5%/tháng.

+ Ngày 17/11/2021, vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng kể từ

ngày 17/11/2021, lãi suất 5%/tháng.

+ Ngày 11/3/2022, vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày 11/3/2022, lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 5%/tháng.

Để làm tin cho việc vay tiền, bà Lê Ngọc N đã đưa cho bà Trần Kim N giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL606186, số vào sổ CS03214 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Ngọc N ngày 16/11/2017.

Bà Lê Ngọc N hứa khi nào bán được nhà sẽ trả tiền cho bà Trần Kim N nhưng không thực hiện thỏa thuận nên bà Trần Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Ngọc N trả tổng số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Sau khi bà Lê Ngọc N trả cho bà Trần Kim N số tiền 150.000.000 đồng thì bà Trần Kim N sẽ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL606186, số vào sổ CS03214.

Bị đơn bà Lê Ngọc N trình bày: ngày 07/11/2021, bà Lê Ngọc N có vay của bà Trần Kim N số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 7%/tháng, thời hạn vay không thỏa thuận. Mặc dù vay 30.000.000 đồng nhưng bà Trần Kim N đã lấy trước 1 tháng tiền lãi là 2.100.000 đồng nên thực tế bà chỉ nhận từ bà Trần Kim N là 27.900.000 đồng. Toàn bộ nội dung trong giấy mượn tiền do bà Trần Kim N đọc cho bà Ngọc N viết, sau đó ký tên. Khi vay, bà Lê Ngọc N có đưa cho bà Trần Kim N giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL606186, số vào sổ CS03214 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Ngọc N ngày 16/11/2017. Sau đó 4 ngày, bà Lê Ngọc N đến vay tiếp bà Trần Kim N số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 7%/tháng, thời hạn vay không thỏa thuận, bà N đã lấy trước 1 tháng tiền lãi là 1.400.000 đồng nên thực tế số tiền nhận là 18.600.000 đồng. Toàn bộ nội dung giấy vay nợ là bà Trần Kim N đọc cho bà Lê Ngọc N viết và ký tên.

Quá trình vay, bà Lê Ngọc N trả tiền lãi cho bà Trần Kim N đầy đủ, nhưng khi trả không làm giấy tờ gì. Đến khi dịch bệnh Covid-19 bị áp dụng Chỉ thị 16 do không đi làm được và không có tiền nên 04 tháng không trả được tiền lãi cho bà Trần Kim N. Do trước đó bà Lê Ngọc N có vay bên ngoài với số tiền 10.000.000 đồng và đã cầm cố bản chính chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu nhưng sau đó không có khả năng trả được nên bà Lê Ngọc N tiếp tục lên gặp bà Trần Kim N vay thêm 10.000.000 đồng để trả. Sau khi nhận tiền bà Trần Kim N giữ luôn bản chính chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà Lê Ngọc N cho đến nay. Tại đây, bà Trần Kim N nói bà Lê Ngọc N 04 tháng tiền lãi chưa trả được với số tiền 14.000.000 đồng, còn số tiền 10.000.000 đồng bà Lê Ngọc N vay thêm để trả cho bên ngoài thì bà Nguyệt lấy 1.000.000 đồng tiền lãi nên bà Trần Kim N đưa thêm cho bà Lê Ngọc N số tiền 25.000.000 đồng, tổng cộng tất cả các lần bà Lê Ngọc N vay của bà Trần Kim N được cộng dồn lại thành số tiền 100.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 11/3/2022.

Sau khi hai bên chốt lại số tiền 100.000.000 đồng thì bà Trần Kim N đã lấy trước 01 tháng tiền lãi, còn sang tháng 4/2022 thì mỗi ngày đều đưa cho bà Trần Kim N 200.000 đồng tiền lãi, từ tháng 5/2022 cho đến nay bà hết khả năng không còn trả được cho bà Trần Kim N.

Theo yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim N thì bà Lê Ngọc N chỉ đồng ý trả cho bà Trần Kim N số tiền 100.000.000 đồng nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng

2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Sau khi bà Lê Ngọc N trả hết số tiền 100.000.000 đồng thì yêu cầu bà Trần Kim N trả lại bản chính chứng minh dân dân, sổ hộ khẩu của bà Lê Ngọc N và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL606186, số vào sổ CS03214.

Việc bà Trần Kim N yêu cầu bà trả số tiền 150.000.000 đồng thì bà Lê Ngọc N không đồng ý vì tất cả các lần vay cộng dồn lại chỉ 100.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 11/3/2022, bà Lê Ngọc N đã nói bà Trần Kim N xé bỏ bản chính đối với số tiền vay 30.000.000 đồng và 20.000.000 đồng thì bà Trần Kim N nói sẽ xé bỏ, nhưng không ngờ bà Trần Kim N không xé bỏ mà lấy để đi khởi kiện. Hơn nữa, đối với hai lần vay đầu tiên, bà Lê Ngọc N thừa nhận đã vay bà Trần Kim N tổng số tiền 50.000.000 đồng nhưng bà không đồng ý về thời gian vay ghi trong giấy vay tiền, vì lần đầu bà vay số tiền 30.000.000 đồng là ngày 07/11/2021, sau đó 4 ngày sau bà vay thêm 20.000.000 đồng. Ngoài ra, theo như giấy mượn tiền đề ngày 07/11/2021 thì tại phần nội dung ghi "*Lãi suất 5 phần trăm*" không phải do bà Lê Ngọc N viết, còn chữ ký, chữ viết Lê Ngọc N có phải của bà hay không thì bà Lê Ngọc N không xác định được vì thời gian đã lâu nên bà không rõ có phải của bà hay không nhưng bà không yêu cầu giám định vì bà không có tiền để nộp tạm ứng chi phí giám định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 180, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim N đối với bị đơn bà Lê Ngọc N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Lê Ngọc N trả cho bà Trần Kim N số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) theo Giấy mượn tiền các ngày 07/11/2021, 17/11/2021 và 11/3/2022.

Buộc bà Trần Kim N trả lại cho bà Lê Ngọc N 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL606186, số vào sổ CS03214 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Ngọc Nguyệt ngày 16/11/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 09/3/2023 bị đơn bà Lê Ngọc Nguyệt có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Lê Ngọc N khai nhận, ngoài số tiền vay 30.000.000 đồng và số tiền vay 20.000.000 đồng như trình bày tại cấp sơ thẩm thì vào đầu năm 2022, bị đơn vay thêm 50.000.000 đồng của nguyên đơn nhưng không làm

giấy vay riêng mà làm chung một giấy ghi số tiền vay tổng cộng cả ba lần là 100.000.000 đồng; tiền lãi thì bị đơn trả rất nhiều nhưng không lập văn bản giao trả tiền lãi nên chỉ chấp nhận trả 100.000.000 đồng cho nguyên đơn; yêu cầu nguyên đơn phải giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL606186, số vào sổ CS03214 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Ngọc N. Đối với Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu thì bị đơn đã làm lại nên không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh; tại Tòa án cấp sơ thẩm nguyên đơn khởi kiện và cung cấp được tài liệu chứng cứ là các giấy mượn tiền, các giấy này đều do bị đơn tự viết và lăn tay, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nội dung vụ án:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ vay mượn tiền của nhau và khi nguyên đơn cho bị đơn vay tiền thì bị đơn có cầm cố 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL606186, số vào sổ CS03214 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Ngọc N ngày 16/11/2017 là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trần Kim N khởi kiện yêu cầu bà Lê Ngọc N trả tiền vay tổng số tiền 150.000.000 đồng, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là Giấy mượn tiền ngày 07/11/2021, số tiền vay 20.000.000 đồng; ngày 17/11/2021, số tiền vay 30.000.000 đồng và ngày 11/3/2022, số tiền vay 100.000.000 đồng. Bị đơn bà Lê Ngọc N cho rằng có vay nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng theo các Giấy mượn tiền ngày 07/11/2021 và ngày 17/11/2021, sau đó có vay thêm một lần số tiền 25.000.000 đồng và một lần 10.000.000 đồng nhưng không làm giấy vay, nguyên đơn đã trả tiền lãi cho bị đơn theo thỏa thuận nhưng sau đó do không có khả năng trả nợ nên hai bên lập giấy nợ số tiền 100.000.000 đồng là gộp tất cả tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình, nguyên đơn không thừa nhận ý kiến của bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn lại khai ngoài số tiền theo Giấy mượn tiền ngày 07/11/2021, số tiền 20.000.000 đồng; ngày 17/11/2021, số tiền 30.000.000 đồng, thì đầu năm 2022 vay thêm 50.000.000 đồng và nhập chung thành 100.000.000 đồng, lời trình bày này là bất nhất và không phù hợp.

Xét, theo nội dung các Giấy mượn tiền thể hiện bị đơn Lê Ngọc N có vay của

nguyên đơn Trần Kim N tổng số tiền 150.000.000 đồng, các giấy mượn tiền này bị đơn đều ký xác nhận, do đó bị đơn cho rằng mình chỉ vay 100.000.000 đồng chứ không phải số tiền vay 150.000.000 đồng là không có cơ sở.

Về tiền lãi: Trong các Giấy mượn tiền thể hiện hai bên có thỏa thuận tiền lãi suất 5%/tháng, mức thỏa thuận này là cao hơn theo quy định của pháp luật; bị đơn trình bày đã trả tiền lãi 7%/tháng nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh, nguyên đơn không thừa nhận đã nhận tiền lãi theo trình bày của bị đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Lê Ngọc N thanh toán cho bà Trần Kim N nợ gốc số tiền 150.000.000 đồng là có căn cứ.

Về tài sản cầm cố: bị đơn cho rằng, khi vay tiền đã đưa cho nguyên đơn giữ 01 bản chính chứng minh dân dân, 01 bản chính sổ hộ khẩu và 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL606186, số vào sổ CS03214 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Ngọc N ngày 16/11/2017. Tuy nhiên, trong các giấy mượn tiền hoàn toàn không thể hiện nguyên đơn giữ 01 bản chính chứng minh nhân dân, 01 bản chính sổ hộ khẩu của bà Lê Ngọc Ng và nguyên đơn không thừa nhận như trình bày của bị đơn mà chỉ thừa nhận có giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL606186, số vào sổ CS03214 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Ngọc N, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là phù hợp**.**

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn khai đã làm lại Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu, không có yêu cầu gì về các giấy tờ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Từ phân tích trên, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Ngọc N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Ngọc N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002593 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thai hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Sỹ Trứ